

Ngày 19 Tháng 9 Năm 2011

**DANH SÁCH THÍ SINH
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGUYỆN VỌNG 2 (NV2)**

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
(1)	(16)	(17)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Bùi Đức	An	05/04/89		KTSA.00006		1	6.75	4.50	5.50	17.00	29.53.01157	01	29-08-2011	- -
2	Đào Thanh	An	07/07/93		GHAA.00006		2NT	5.25	4.75	5.00	15.00	26.33.00850	01	29-08-2011	- -
3	Lê Văn	An	17/05/93		DDKA.00050		2NT	4.50	6.00	4.50	15.00	32.43.23391	04	29-08-2011	- -
4	Nguyễn Quý	An	15/02/93		CSHA.00013		2	5.00	6.25	3.50	15.00	24.00.00065	09	25-08-2011	- -
5	Mai Ngọc Thiên	An	07/11/93		QSCA.00066		2NT	6.25	4.25	3.25	14.00	30.45.00733	02	25-08-2011	- -
6	Nguyễn Tiếp	An	06/09/92		GTSA.07759		1	4.50	4.50	5.50	14.50	40.50.00466	04	29-08-2011	- -
7	Bùi Văn Tuấn	Anh	16/10/93		QSKA.00126		2	5.25	5.00	3.50	14.00	52.39.00004	03	14-09-2011	- -
8	Đặng Thị Hà	Anh	25/04/93	Nữ	GHAA.20017		2NT	4.25	5.50	4.50	14.50	30.45.00065	02	25-08-2011	- -
9	Kiều Lê Đức	Anh	29/08/93		SNHA.00003		1	5.25	5.50	4.75	15.50	30.10.00034	01	05-09-2011	- -
10	Lê Đức	Anh	22/01/93		KTAA.03143		3	4.50	5.25	5.25	15.00	03.08.00922	06	26-08-2011	- -
11	Lê Đức	Anh	25/10/93		QSTA.06837		1	3.00	7.50	3.50	14.00	39.15.00253	05	25-08-2011	10-09-2011
12	Lê Đức	Anh	25/10/93		QSTA.06837		1	3.00	7.50	3.50	14.00	39.15.00253	03	10-09-2011	- -
13	Lê Kinh Trung	Anh	21/12/92		GHAA.00230		3	7.00	4.50	3.50	15.00	1A.05.00357	03	15-09-2011	- -
14	Lê Thị Lan	Anh	18/11/93	Nữ	KSAA.12543		2NT	6.25	6.00	4.00	16.50	29.87.00402	05	31-08-2011	09-09-2011
15	Lê Thị Lan	Anh	18/11/93	Nữ	KSAA.12543		2NT	6.25	6.00	4.00	16.50	29.87.00402	05	13-09-2011	- -
16	Lê Trung Tuấn	Anh	16/04/93		GHAA.20041	06	2	4.50	4.75	5.25	14.50	29.02.00595	01	29-08-2011	- -
17	Lê Tuấn	Anh	27/11/93		GHAA.00254		1	4.00	5.50	4.75	14.50	08.22.00122	03	15-09-2011	- -
18	Nguyễn Thảo	Anh	16/08/93	Nữ	NHSA.09918		2	4.75	5.00	5.25	15.00	35.50.38316	07	25-08-2011	09-09-2011
19	Nguyễn Thảo	Anh	16/08/93	Nữ	NHSA.09918		2	4.75	5.00	5.25	15.00	35.50.38316	08	14-09-2011	- -
20	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/10/93	Nữ	QSTA.03629		2NT	4.50	4.25	4.50	13.50	99.99.00007	08	14-09-2011	- -
21	Nguyễn Thiện	Anh	18/06/92		GTSA.07729		1	3.75	6.00	4.50	14.50	99.99.00552	06	26-08-2011	- -
22	Nguyễn Tuấn	Anh	10/03/91		GHAA.00434	06	2NT	4.00	3.75	5.00	13.00	28.21.00164	02	28-08-2011	- -
23	Trần Tuấn	Anh	14/08/93		QHIA.00517		2NT	6.00	5.75	5.00	17.00	24.62.10521	05	15-09-2011	- -
24	Trịnh Ngọc	Anh	16/09/93	Nữ	QSKA.00101		1	3.75	6.50	4.50	15.00	42.45.00227	01	26-08-2011	- -
25	Võ Ngọc	Anh	16/01/93		GTSA.03493		2	3.75	5.25	4.75	14.00	04.20.00002	03	10-09-2011	- -
26	Vũ Tuấn	Anh	03/10/93		ANSA.00041	01	1	2.75	4.50	4.00	11.50	40.01.00662	06	01-09-2011	- -
27	Vương Tuấn	Anh	19/04/93	Nữ	GHAA.20112		2NT	4.00	4.75	3.75	12.50	29.21.00390	09	13-09-2011	- -
28	Đỗ Thị	anh	02/05/93	Nữ	DCNA.04704		2NT	4.75	6.75	3.00	14.50	28.87.00097	07	25-08-2011	- -
29	Nguyễn Văn	Ba	11/04/89		KSAA.14403		2NT	6.50	4.75	3.00	14.50	99.99.00621	05	26-08-2011	08-09-2011
30	Nguyễn Văn	Ba	11/04/89		KSAA.14403		2NT	6.50	4.75	3.00	14.50	99.99.00621	08	09-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
31	Lê Văn	Bằng	05/07/92		LBSA.00129		1	4.00	5.00	3.50	12.50	44.02.00001	03	25-08-2011	- -
32	Đình Duy	Bảo	18/12/93		KTSA.00075	01	3	4.50	6.75	4.25	15.50	02.S2.00248	06	29-08-2011	- -
33	Lê Thái	Bảo	20/08/92		KTSA.01938		1	6.75	5.25	4.50	16.50	37.28.00902	06	26-08-2011	- -
34	Phạm Thê	Bảo	07/07/93		TDVA.16115		1	4.25	4.50	3.75	12.50	30.46.00013	03	14-09-2011	- -
35	Trần Hoài	Bảo	04/01/93		KTSA.00061		2NT	5.50	6.00	4.50	16.00	49.07.00002	01	14-09-2011	- -
36	Đỗ Ngọc	Bích	09/10/93	Nữ	GHAA.00908		2NT	5.00	4.75	2.50	12.50	22.16.00298	07	26-08-2011	- -
37	Nguyễn Văn	Bình	02/02/92		DDQA.30680		2	4.75	4.75	5.00	14.50	30.09.13183	05	26-08-2011	- -
38	Thạch Trung	Bình	22/08/93		TDVA.13279		2	5.00	4.50	3.50	13.00	30.11.02661	02	07-09-2011	- -
39	Trần Thái	Bình	15/04/92		KTSA.00089		2NT	5.00	5.75	6.25	17.00	98.05.00011	06	14-09-2011	- -
40	Võ Thanh	Bình	06/10/92		GTSA.07791		1	2.75	5.25	4.50	12.50	47.26.00010	09	08-09-2011	- -
41	Trần Quốc	Cần	01/10/93		SPKA.13622		2NT	4.25	5.00	5.25	14.50	35.30.25598	05	09-09-2011	- -
42	Thới Nam	Cao	02/10/92		KTSA.00107		2NT	6.00	5.75	6.25	18.00	99.99.00363	06	29-08-2011	- -
43	Lê Minh	Châu	30/10/93		KTSA.00118		1	4.75	5.50	4.50	15.00	47.25.00003	02	12-09-2011	- -
44	Đàm Minh	Chiên	06/06/93		KTSA.00127	01	1	4.25	4.50	4.50	13.50	40.06.00273	06	27-08-2011	- -
45	Nguyễn Quang	Chiên	15/08/93		KTSA.01947		2NT	6.00	5.50	4.75	16.50	35.27.21752	01	30-08-2011	- -
46	Trần Công	Chính	19/12/92		GTSA.07836		2	3.75	4.50	5.00	13.50	31.01.00377	02	02-09-2011	- -
47	Văn Đình	Chính	17/10/91		XDAA.10654		2NT	6.50	4.75	4.25	15.50	99.99.00121	02	27-08-2011	- -
48	Đặng Văn	Chức	11/04/93		GTSA.07848		2	4.50	5.50	5.00	15.00	25.06.00047	02	30-08-2011	- -
49	Lê Văn	Công	01/12/92		XDAA.10132		2	6.00	5.00	5.50	16.50	30.09.00659	01	13-03-2011	- -
50	Ngô Chiên	Công	15/11/85		KHAA.20215		2	5.25	4.50	4.00	14.00	99.99.01499	03	12-09-2011	- -
51	Lương Thị Kim	Cúc	08/01/93	Nữ	NHSA.00737		2	3.50	4.75	4.75	13.00	52.01.00055	08	14-09-2011	- -
52	Vũ Thị	Cúc	12/06/93	Nữ	LPHA.03846		2NT	2.25	6.00	5.50	14.00	28.70.00500	08	25-08-2011	- -
53	Chu Lê Vinh	Cường	04/10/92		QSBA.00890		1	5.00	4.00	4.50	13.50	42.00.00270	06	30-08-2011	- -
54	Hoàng Minh	Cường	26/05/93		QSBA.00905		2NT	7.25	5.00	4.50	17.00	35.18.09676	06	25-08-2011	- -
55	Nguyễn Công	Cường	01/01/93		GHAA.01472		2	5.25	5.00	4.75	15.00	28.30.01471	02	15-09-2011	- -
56	Nguyễn Duy	Cường	10/10/92		KTSA.00165		2NT	6.00	4.50	4.00	14.50	41.00.00399	08	15-09-2011	- -
57	Nguyễn Hữu Lê Cao	Cường	23/08/93		DDKA.01700		2NT	4.00	4.00	6.00	14.00	32.20.22526	01	26-08-2011	- -
58	Nguyễn Mạnh	Cường	15/10/91		QHTA.01089		2NT	3.75	6.50	4.50	15.00	99.99.00052	01	25-08-2011	- -
59	Phạm Văn	Cường	28/12/93		CSHA.00424	06	2	6.75	6.50	4.50	18.00	28.00.00139	01	30-08-2011	- -
60	Trần Duy	Cường	13/06/93		HTCA.01198		1	6.25	6.00	5.50	18.00	12.00.03221	01	15-09-2011	- -
61	Trần Nhật	Cường	05/12/93		QSBA.00980		2NT	5.25	5.50	5.75	16.50	31.19.01311	06	29-08-2011	- -
62	Đỗ Trường	Đại	17/09/92		KTSA.01774		1	5.00	6.50	5.50	17.00	61.01.00009	06	26-08-2011	- -
63	Lê Tân	Đại	20/06/92		GTSA.07987		1	3.75	5.25	4.50	13.50	98.21.00087	05	25-08-2011	- -
64	Nguyễn Trọng	Đại	15/10/93		DDLA.01900		2NT	6.25	4.50	3.25	14.00	28.76.00825	04	13-09-2011	- -
65	Võ Văn	Đại	01/01/91		GTSA.03777		1	3.75	5.75	4.00	13.50	99.99.00262	05	06-09-2011	- -
66	Nguyễn Tiên	Đàm	08/08/92		CSSA.00755		2NT	3.75	4.00	4.50	12.50	36.02.03375	03	14-09-2011	- -
67	Trần Ngọc	Đạo	06/04/93		GTSA.03789		2NT	4.25	5.50	4.50	14.50	35.30.24942	05	30-08-2011	- -
68	Lê Thành	Đạt	01/03/93		KSAA.21664		1	6.00	5.00	4.50	15.50	37.25.00559	06	30-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
69	Nguyễn Văn	Đạt	22/09/91		KTSA.01971		1	5.00	6.25	5.50	17.00	37.28.00901	06	29-08-2011	- -
70	Võ Vinh	Đạt	16/02/92		GHAA.20420	06	2NT	3.75	5.25	4.50	13.50	29.86.00038	05	06-09-2011	- -
71	Phạm Thị Hồng	Điểm	30/01/93	Nữ	DMSA.01542		3	3.75	5.50	4.50	14.00	02.13.00006	07	30-08-2011	- -
72	Trần Quang	Điền	10/10/93		GTSA.15291		2NT	3.50	6.75	4.50	15.00	37.32.00622	06	30-08-2011	- -
73	Trần Minh	Điền	17/04/93		GTSA.08032		1	5.25	4.50	4.50	14.50	56.47.00201	06	31-08-2011	10-09-2011
74	Phạm Thị	Điệp	25/03/93	Nữ	MBSA.02018		2NT	3.00	4.50	6.00	13.50	35.22.14925	08	30-08-2011	- -
75	Nguyễn Thị Mỹ	Điều	20/02/93	Nữ	KSAA.09993		1	6.75	5.00	4.50	16.50	42.26.00186	05	14-09-2011	- -
76	Nguyễn Văn	Đoàn	07/01/93		SNHA.00077	01	1	4.50	4.50	4.00	13.00	23.07.00001	02	08-09-2011	- -
77	Lê Mạnh	Doanh	25/05/91		KTSA.00184		1	2.50	6.25	3.00	12.00	99.99.00522	09	09-09-2011	- -
78	Lê Bá	Đông	20/03/93		GHAA.02922		2NT	3.75	5.50	4.50	14.00	28.51.00493	01	26-08-2011	06-09-2011
79	Lê Bá	Đông	20/03/93		GHAA.02922		2NT	3.75	5.50	4.50	14.00	28.51.00493	04	14-09-2011	- -
80	Nguyễn Thành	Đông	02/10/92		KTSA.00325		1	4.50	5.25	5.00	15.00	98.11.00004	05	05-09-2011	- -
81	Đặng Thế	Duân	11/04/93		XDAA.10108		2NT	4.25	6.50	4.50	15.50	30.06.00552	05	29-08-2011	- -
82	Nguyễn Đình	Duân	20/10/93		SPKA.01318		1	3.25	4.50	5.00	13.00	30.08.00817	04	30-08-2011	- -
83	Lưu Chung	Đức	28/05/87		GHAA.03091		2	6.25	4.00	4.50	15.00	28.01.00013	09	15-09-2011	- -
84	Nguyễn Tiên	Đức	08/12/89		KSAA.17554		1	4.75	5.50	5.75	16.00	99.99.01078	05	27-08-2011	- -
85	Nguyễn Việt	Đức	30/08/93		KTAA.04044		2	4.75	5.50	4.25	14.50	99.99.01076	04	15-09-2011	- -
86	Phạm Huỳnh	Đức	08/05/93		XDAA.08831		2NT	4.75	5.50	6.25	16.50	28.84.00838	01	25-08-2011	- -
87	Ngô Thị	Dung	09/10/93	Nữ	TMAA.03725		2NT	5.75	5.25	3.75	15.00	28.63.01895	07	25-08-2011	- -
88	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	08/06/93	Nữ	KSAA.11522		1	5.75	3.50	4.50	14.00	40.43.00309	05	26-08-2011	- -
89	Nguyễn Thị Thảo	Dung	24/05/93	Nữ	KTSA.00187		1	2.75	5.50	4.00	12.50	40.02.00313	02	29-08-2011	09-09-2011
90	Nguyễn Thị Thảo	Dung	24/05/93	Nữ	KTSA.00187		1	2.75	5.50	4.00	12.50	40.02.00313	04	09-09-2011	- -
91	Trần Thị	Dung	20/02/93	Nữ	GHAA.01823		2NT	5.50	5.50	4.00	15.00	25.45.01498	07	01-09-2011	- -
92	Cao Xuân	Dũng	02/01/91		QHEA.01442		2NT	5.00	5.50	4.50	15.00	28.22.11396	05	01-09-2011	- -
93	Lê Anh	Dũng	05/01/93		GHAA.20324		2	4.50	5.50	4.50	14.50	29.03.00325	02	01-09-2011	- -
94	Lê Tiên	Dũng	22/12/93		KHAA.20328		2	5.75	6.25	4.00	16.00	30.10.00428	02	26-08-2011	- -
95	Lưu Đức	Dũng	05/07/93		GTSA.11003		3	5.50	4.25	4.25	14.00	02.13.00003	04	15-09-2011	- -
96	Trần Xuân	Dũng	05/11/93		NTSA.00141		2NT	5.75	6.75	6.00	18.50	30.06.01171	01	25-08-2011	- -
97	Hoàng Văn	Dương	17/08/91		KTAA.03663		1	5.25	5.75	4.50	15.50	27.03.00146	06	26-08-2011	09-09-2011
98	Hoàng Văn	Dương	17/08/91		KTAA.03663		1	5.25	5.75	4.50	15.50	27.03.00146	01	09-09-2011	- -
99	Lê Văn	Dương	11/08/93		QSBA.01384	06	2NT	3.75	4.75	6.25	15.00	30.41.00810	01	10-09-2011	- -
100	Mai Văn	Dương	05/06/92		GHAA.02319		2	5.00	4.50	4.75	14.50	25.49.01400	02	25-08-2011	- -
101	Phạm Tiên	Dương	14/04/93		GTSA.12866		2	5.00	5.50	3.25	14.00	02.59.00005	08	08-09-2011	- -
102	Hà Hải	Đường	23/03/93		GHAA.02994		2	6.00	5.50	4.00	15.50	15.05.08997	09	28-08-2011	- -
103	Lê Trần	Duy	01/10/93		GTSA.07915		1	4.50	4.75	5.50	15.00	48.64.00638	06	26-08-2011	- -
104	Ngô Thế	Duy	24/10/93		KTSA.00191		1	4.75	5.00	4.00	14.00	43.18.00448	06	27-08-2011	- -
105	Nguyễn Đăng Thanh	Duy	13/06/93		GTSA.00032		1	4.50	4.25	5.75	14.50	02.82.00013	01	09-09-2011	- -
106	Nguyễn Thành	Duy	25/07/93		GHAA.01906		2NT	4.75	4.00	4.25	13.00	25.62.03946	08	25-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
107	Phạm Thanh	Duy	24/03/93		SPSA.03330		2	5.25	4.75	6.25	16.50	52.01.00008	06	26-08-2011	- -
108	Phan Quang	Duy	10/05/93		GHAA.20304		2	5.50	4.25	4.00	14.00	29.03.00362	04	13-09-2011	- -
109	Nguyễn Thị Thu	Duyên	20/01/93	Nữ	QSKA.04847		2	5.50	4.75	4.00	14.50	35.15.05675	07	26-08-2011	- -
110	Tạ Thị Hồng	Duyên	08/03/93	Nữ	DTTA.01907		2	3.00	6.00	5.75	15.00	35.15.04903	07	11-09-2011	- -
111	Trần Thị	Duyên	04/05/93	Nữ	GHAA.01980		2NT	5.25	3.50	4.25	13.00	25.45.01492	07	25-08-2011	- -
112	Võ Trúc	Duyên	10/09/93	Nữ	KSAA.14615		1	6.50	5.25	4.50	16.50	43.02.00651	05	08-09-2011	- -
113	Trương Đình	Gâm	01/02/92		KSAA.21376		2	6.00	6.50	5.00	17.50	39.00.00333	05	29-08-2011	- -
114	Đặng Thị Trúc	Giang	20/06/93	Nữ	QSKA.00779		2NT	4.75	5.00	5.75	15.50	35.30.25385	07	31-08-2011	- -
115	Hoàng	Giang	20/05/93		GTSA.03888		2	5.50	4.75	4.50	15.00	31.04.00264	01	29-08-2011	- -
116	Nguyễn Thị Huỳnh	Giang	24/01/93	Nữ	DMSA.18910		2NT	5.25	6.25	4.00	15.50	37.10.00537	07	15-09-2011	- -
117	Lê Quang	Hà	14/11/93		QSKA.00818		2NT	5.25	5.50	4.25	15.00	25.21.01306	05	06-09-2011	- -
118	Lê Thị	Hà	26/03/93	Nữ	TTNA.11667		1	2.75	6.50	4.50	14.00	40.49.00893	05	07-09-2011	- -
119	Lê Thị	Hà	22/07/93	Nữ	GTSA.12255		2NT	4.75	4.50	3.75	13.00	99.99.00790	05	29-08-2011	09-09-2011
120	Lê Thị	Hà	22/07/93	Nữ	GTSA.12255		2NT	4.75	4.50	3.75	13.00	99.99.00790	08	15-09-2011	- -
121	Nguyễn Thái	Hà	12/10/93	Nữ	QHEA.02182		3	5.00	4.25	6.00	15.50	1A.39.02053	07	15-09-2011	- -
122	Nguyễn Thị	Hà	05/08/92	Nữ	KSAA.14374		2NT	5.25	5.75	6.25	17.50	28.19.00620	05	25-08-2011	- -
123	Nguyễn Thị	Hà	01/07/93	Nữ	QSKA.00850		1	3.00	5.50	4.75	13.50	42.18.00007	07	26-08-2011	09-09-2011
124	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/02/93	Nữ	GHAA.20541		2	5.25	4.75	4.50	14.50	29.03.00377	09	25-08-2011	- -
125	Nguyễn Việt	Hà	27/02/93	Nữ	QSKA.00838		2	3.25	4.50	6.00	14.00	52.01.00059	08	05-09-2011	- -
126	Phạm Dũng	Hà	12/04/93		DDQA.32542		2	4.50	5.50	5.00	15.00	31.04.19003	02	31-08-2011	- -
127	Nguyễn Hoàng	Hải	20/10/92		XDAA.09357		2NT	7.25	3.50	5.75	16.50	29.28.01152	01	26-08-2011	- -
128	Nguyễn Hồng	Hải	06/01/93		GHAA.03729		1	7.75	3.50	1.75	13.00	21.18.00015	09	30-08-2011	- -
129	Nguyễn Thanh	Hải	07/07/93		DDQA.32798		2NT	4.50	5.50	5.00	15.00	31.19.19309	06	26-08-2011	06-09-2011
130	Nguyễn Thanh	Hải	07/07/93		DDQA.32798		2NT	4.50	5.50	5.00	15.00	31.19.19309	03	06-09-2011	- -
131	Nguyễn Văn	Hải	20/09/93		KSAA.13062		1	5.50	5.00	5.50	16.00	99.TT.00464	01	25-08-2011	- -
132	Phan Đình	Hải	09/06/89		KSAA.17740		1	4.75	6.25	5.25	16.50	30.05.01102	05	06-09-2011	- -
133	Trần Thanh	Hải	28/02/91		KTSA.00380		1	5.50	5.25	4.50	15.50	47.00.00001	05	14-09-2011	- -
134	Trần Xuân	Hải	22/09/93		DDKA.03695		3	4.00	5.25	5.75	15.00	04.10.71968	03	03-09-2011	- -
135	Võ Thị	Hải	10/05/92	Nữ	KSAA.09578		3	4.75	6.25	4.50	15.50	98.21.00156	07	15-09-2011	- -
136	Đoàn Thị	Hăng	21/06/93	Nữ	GHAA.20606		1	3.75	4.50	3.50	12.00	30.51.00091	07	26-08-2011	- -
137	Lâm Thúy	Hăng	25/11/93	Nữ	DMSA.18995		2	2.50	5.25	5.50	13.50	37.04.00320	07	30-08-2011	- -
138	Nguyễn Thị	Hăng	02/07/92	Nữ	DMSA.19004		1	4.25	4.50	5.50	14.50	38.16.00536	05	30-08-2011	- -
139	Nguyễn Thị	Hăng	16/11/93	Nữ	KSAA.09639		2NT	5.50	4.75	4.25	14.50	29.30.00160	08	07-09-2011	- -
140	Nguyễn Thị Thúy	Hăng	09/06/93	Nữ	DDQA.33331		1	4.50	4.50	5.00	14.00	37.27.51906	07	14-09-2011	- -
141	Trần Thúy	Hăng	08/11/92	Nữ	KSAA.12454		2	5.75	5.50	4.50	16.00	31.01.00395	07	29-08-2011	- -
142	Trương Thị Mỹ	Hăng	21/08/92	Nữ	TMAA.35605		2NT	6.75	4.00	3.25	14.00	29.60.01282	07	26-08-2011	10-09-2011
143	Trương Thị Mỹ	Hăng	21/08/92	Nữ	TMAA.35605		2NT	6.75	4.00	3.25	14.00	29.60.01282	09	10-09-2011	- -
144	Lê Trọng	Hành	09/01/91		GHAA.20547		2NT	3.50	4.50	6.50	14.50	30.15.00209	09	07-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
145	Trần Văn	Hạnh	21/03/93		KSAA.18453		1	2.75	5.50	5.50	14.00	63.09.01279	06	20-08-2011	- -
146	Lê Văn	Hào	19/12/93		SPKA.02749		3	5.75	5.00	4.50	15.50	02.28.00001	06	25-08-2011	- -
147	Đào Thị Kim	Hiên	21/02/93	Nữ	KSAA.22536		2	5.25	5.00	3.75	14.00	35.15.05320	07	26-08-2011	10-09-2011
148	Đào Thị Kim	Hiên	21/02/93	Nữ	KSAA.22536		2	5.25	5.00	3.75	14.00	35.15.05320	08	10-09-2011	- -
149	Hoàng Thị Thu	Hiên	20/04/93	Nữ	NHSA.02210		2NT	5.00	5.75	4.50	15.50	30.30.00668	07	29-08-2011	- -
150	Nguyễn Hồng	Hiên	10/10/93		DDQA.33521		1	4.00	4.75	5.75	14.50	63.06.63259	06	31-08-2011	09-09-2011
151	Dương Quốc	Hiếu	31/08/93		GHAA.20649		2	4.00	5.00	5.25	14.50	29.02.00573	09	15-09-2011	- -
152	Dương Thị Ngọc	Hiếu	12/04/93	Nữ	SGDA.03689		1	4.75	4.00	4.75	13.50	47.07.00006	05	06-09-2011	- -
153	Nguyễn Phương	Hiếu	11/12/93	Nữ	SPKA.03099		2	5.75	5.50	4.50	16.00	02.61.00144	06	30-08-2011	08-09-2011
154	Nguyễn Vinh	Hiếu	20/07/93		CSSA.01281	01	1	4.25	4.50	4.50	13.50	40.02.04408	06	28-08-2011	- -
155	Trần Trọng	Hiếu	10/12/92		QSBA.02327		3	4.25	6.50	4.50	15.50	02.00.00043	04	29-08-2011	- -
156	Trần Xuân	Hiếu	01/08/93		XDAA.09216		2	5.25	4.50	3.75	13.50	29.07.01963	03	26-08-2011	- -
157	Trịnh Trung	Hiếu	08/06/93		KTSA.00414		3	6.00	5.50	5.75	17.50	02.S2.00077	06	29-08-2011	- -
158	Võ Minh	Hiếu	07/01/93		SPKA.03010		2	4.25	5.50	4.75	14.50	48.16.00409	05	26-08-2011	- -
159	Nguyễn Thị	Hoa	02/04/93	Nữ	DMSA.04106		2NT	5.50	5.00	4.75	15.50	30.13.00961	01	25-08-2011	- -
160	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	10/10/93	Nữ	DCNA.00778	06	1	4.50	3.25	4.25	12.00	29.32.00994	08	03-09-2011	- -
161	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	18/07/93	Nữ	GHAA.20689		2	4.75	6.00	3.50	14.50	29.03.00386	05	27-08-2011	- -
162	Bùi Việt	Hoà	18/04/93		QSKA.04969		1	5.50	6.00	3.50	15.00	38.31.00001	05	15-09-2011	- -
163	Trần Quốc	Hoà	02/08/92		GHAA.20697		2NT	4.00	4.50	5.50	14.00	30.15.00215	05	26-08-2011	- -
164	Trịnh Xuân	Hoà	10/01/92		KTAA.04627		2NT	4.25	6.50	5.00	16.00	28.17.00701	06	26-08-2011	- -
165	Nguyễn Đức	Hòa	03/07/92		QSBA.02638		1	5.50	4.50	6.25	16.50	99.99.00696	06	29-08-2011	- -
166	Nguyễn Thanh	Hoài	18/05/93		KSAA.02915		2	5.25	7.00	5.75	18.00	52.09.00010	06	31-08-2011	- -
167	Nguyễn Thị	Hoài	21/12/93	Nữ	QSKA.01151		2NT	3.50	4.50	5.50	13.50	29.79.00849	07	07-09-2011	- -
168	Võ Văn	Hoài	07/03/93		KSAA.17741		2	5.00	5.75	4.75	15.50	41.30.01101	02	26-08-2011	- -
169	Ninh Văn	Hoan	25/09/93		GHAA.04615		2NT	4.25	4.75	3.75	13.00	25.44.01475	05	29-08-2011	09-09-2011
170	Ngô Thị	Hoàn	26/06/93	Nữ	QSTA.04030		2NT	5.00	4.75	3.75	13.50	28.68.00989	05	05-09-2011	09-09-2011
171	Ngô Thị	Hoàn	26/06/93	Nữ	QSTA.04030		2NT	5.00	4.75	3.75	13.50	28.68.00989	08	09-09-2011	- -
172	Nguyễn Việt	Hoàn	11/02/93		NHSA.02350		2	3.75	6.50	6.00	16.50	31.04.00393	01	06-09-2011	- -
173	Hồ Sĩ	Hoàng	31/10/92		KTAA.04654		2NT	8.00	4.50	3.75	16.50	28.25.01096	06	04-09-2011	- -
174	Hồ Văn	Hoàng	06/01/93		HEHA.00447		1	5.75	4.50	5.75	16.00	29.06.00048	06	27-08-2011	- -
175	Lê Như	Hoàng	25/02/92		XDAA.10550		2NT	5.25	5.00	5.00	15.50	99.99.00017	02	13-09-2011	- -
176	Lê Thị	Hoàng	10/02/92	Nữ	MBSA.03323		1	3.25	5.00	4.00	12.50	99.99.00644	08	14-09-2011	- -
177	Lê Văn	Hoàng	09/08/93		GHAA.20735		2NT	5.50	4.50	4.25	14.50	29.78.00426	01	26-08-2011	- -
178	Mai Bá Minh	Hoàng	25/12/93		KSAA.13658		1	3.25	4.50	5.25	13.00	40.49.00524	09	15-09-2011	- -
179	Nguyễn Đình	Hoàng	05/05/93		GTSA.04078		2NT	4.50	3.75	5.50	14.00	30.14.00883	05	25-08-2011	09-09-2011
180	Nguyễn Đình	Hoàng	05/05/93		GTSA.04078		2NT	4.50	3.75	5.50	14.00	30.14.00883	09	09-09-2011	- -
181	Nguyễn Việt	Hoàng	13/10/93		GHAA.04864		2NT	6.00	3.50	3.75	13.50	25.67.00709	02	28-08-2011	- -
182	Phạm Quốc	Hoàng	22/10/93		HEHA.00461		2NT	7.00	4.25	4.50	16.00	27.07.00029	01	26-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
183	Trần Tiên	Hoàng	18/10/93		SGDA.04184		2NT	5.00	3.50	4.75	13.50	25.44.03466	08	06-09-2011	- -
184	Võ Sỹ	Hoàng	14/12/93		GTSA.15412		1	4.00	5.00	4.50	13.50	38.05.00329	09	01-09-2011	- -
185	Vũ Nhật	Hoàng	19/05/92		KHAA.05600		2NT	6.25	5.25	4.50	16.00	28.25.01046	07	06-09-2011	- -
186	Vũ Văn	Hội	15/06/93		CSHA.01215		2NT	5.50	5.00	4.50	15.00	19.00.00077	03	25-08-2011	- -
187	Nguyễn Thị	Hồng	20/09/93	Nữ	GHAA.20786		2NT	6.25	3.75	3.75	14.00	29.54.00334	07	29-08-2011	- -
188	Nguyễn Văn	Huân	20/10/93		XDAA.09603		2NT	5.75	5.50	5.25	16.50	29.55.00012	06	29-08-2011	- -
189	Huỳnh	Huệ	20/08/92		GTSA.14392		2NT	4.25	5.75	4.25	14.50	37.00.01428	02	01-09-2011	- -
190	Trần Thị	Huệ	27/09/93	Nữ	KSAA.17283		1	3.75	5.00	4.25	13.00	40.11.01039	08	12-09-2011	- -
191	Đậu Đình	Hùng	10/04/93		CSSA.01619		1	5.00	6.00	5.25	16.50	40.02.04488	01	05-09-2011	- -
192	Hoàng Bá	Hùng	20/08/93		TDVA.13893		1	5.75	4.75	3.00	13.50	30.17.00017	01	28-08-2011	- -
193	Lê Mạnh	Hùng	14/03/93		DDKA.05981		1	3.75	5.25	4.50	13.50	38.38.53223	06	26-08-2011	- -
194	Phạm Lý	Hùng	20/05/93		DTTA.04776		2NT	5.00	4.75	4.50	14.50	33.19.00005	06	25-08-2011	- -
195	Trần Hậu	Hùng	08/03/93		XDAA.10164		2	6.75	5.00	4.00	16.00	30.10.01437	01	29-08-2011	- -
196	Trịnh Đình	Hùng	22/08/93		GTSA.04143		2NT	2.75	5.75	5.25	14.00	28.94.01031	03	10-09-2011	- -
197	Đỗ Thành	Hưng	20/04/93		GTSA.15439		2NT	3.75	5.75	5.75	15.50	37.33.00612	05	05-09-2011	- -
198	Hồ Hải	Hưng	22/07/93		SPKA.04233		2NT	3.25	5.00	4.25	12.50	48.24.00672	03	01-09-2011	- -
199	La Thanh	Hưng	15/02/93		CSSA.01697		1	6.75	5.00	5.25	17.00	47.02.06665	06	09-09-2011	- -
200	Mai Đình	Hưng	31/10/93		DDLA.04429		2NT	5.00	4.75	3.25	13.00	25.75.00838	09	11-09-2011	- -
201	Nguyễn Thị Diễm	Hương	12/03/93	Nữ	TMAA.35928		2NT	5.25	7.75	4.50	17.50	30.45.00640	07	26-08-2011	- -
202	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/04/93	Nữ	MBSA.04114		1	2.75	5.00	4.50	12.50	63.06.00539	08	15-09-2011	- -
203	Trần Phạm Thuỳ	Hương	14/12/93	Nữ	GHAA.06127		2	3.75	6.25	5.00	15.00	21.16.00009	07	15-09-2011	- -
204	Vũ Thị Lan	Hương	05/10/93	Nữ	KSAA.03821		2	4.50	5.50	4.75	15.00	52.01.00016	07	25-08-2011	10-09-2011
205	Vũ Thị Lan	Hương	05/10/93	Nữ	KSAA.03821		2	4.50	5.50	4.75	15.00	52.01.00016	08	15-09-2011	- -
206	Vũ Thị Thu	Hương	05/09/92	Nữ	KSAA.10414		2NT	5.75	4.75	6.25	17.00	25.66.00217	05	15-09-2011	- -
207	Lương Văn	Hướng	10/02/88		GTSA.08352		2NT	4.75	5.25	4.25	14.50	98.22.00015	05	09-09-2011	- -
208	Nguyễn Bắc	Huy	24/01/93		KSAA.17857		2	5.25	5.50	4.50	15.50	41.30.01122	06	29-08-2011	06-09-2011
209	Nguyễn Thành	Huy	18/04/92		TMAA.10902		1	3.75	5.50	6.25	15.50	21.02.00107	02	12-09-2011	- -
210	Vũ Văn	Huy	07/06/93		GHAA.05355		2NT	6.25	4.75	3.50	14.50	21.30.00014	02	05-09-2011	- -
211	Bùi Thị	Huyền	20/09/93	Nữ	GHAA.05361		2NT	4.75	4.75	4.75	14.50	25.21.00472	07	27-08-2011	- -
212	Phạm Thị	Huyền	30/10/93	Nữ	KSAA.17889		2	4.50	5.50	5.25	15.50	48.53.01123	07	26-08-2011	- -
213	Đoàn Văn	Huỳnh	21/03/93		GHAA.05481		2NT	4.00	7.00	4.00	15.00	1B.83.00573	05	05-09-2011	- -
214	Lưu Văn	Khải	26/03/92		GTSA.15454		2NT	4.00	4.75	5.50	14.50	37.31.02193	05	27-08-2011	- -
215	Mai Xuân	Khải	10/06/93		YTBA.00658		2NT	6.00	5.00	5.25	16.50	28.66.05083	01	25-08-2011	- -
216	Võ Đoàn Minh	Khải	15/01/93		KTSA.02009		2NT	5.25	4.50	3.75	13.50	39.06.00006	04	29-08-2011	- -
217	Lê Văn	Khang	02/08/93		XDAA.08464		2NT	6.00	6.50	2.50	15.00	28.60.00934	03	08-09-2011	- -
218	Nguyễn Thị Huyền	Khang	03/03/93	Nữ	QSKA.01479		2NT	7.00	5.25	4.25	16.50	29.55.00010	05	29-08-2011	- -
219	Ngô Tuấn	Khanh	26/06/93		KSAA.20886		2	6.50	5.75	5.00	17.50	39.05.00129	01	26-08-2011	- -
220	Phạm Duy	Khanh	05/10/93		QSBA.13345		2NT	4.50	4.75	5.75	15.00	35.24.18185	04	01-09-2011	09-09-2011

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
221	Phạm Quang	Khanh	22/06/93		DMSA.18030		2	5.00	5.50	4.25	15.00	55.35.00040	01	25-08-2011	- -
222	Bùi Trọng	Khánh	14/08/93		CSHA.01472	01	2	3.50	4.25	5.00	13.00	21.00.00022	09	14-09-2011	- -
223	Đào Trọng	Khánh	24/10/93		NTHA.04031		2	5.00	6.75	6.50	18.50	29.03.00419	01	30-08-2011	- -
224	Lê Bá	Khánh	16/05/92		QSBA.03255		2NT	4.75	5.75	5.00	15.50	99.99.00423	06	29-08-2011	- -
225	Nguyễn Hữu	Khánh	28/04/93		GHAA.06294		2NT	4.50	5.25	3.75	13.50	25.75.08046	09	29-08-2011	- -
226	Nguyễn Ngọc	Khánh	29/01/93		DDKA.06395		1	5.25	4.50	3.00	13.00	30.02.12044	07	30-08-2011	- -
227	Phan Tiên	Khánh	05/11/93		GTSA.04248		2NT	4.25	5.25	3.50	13.00	35.30.24945	04	08-09-2011	- -
228	Trần Đăng	Khánh	22/07/93		GTSA.08383		1	3.75	7.25	2.25	13.50	47.19.00001	06	29-08-2011	- -
229	Đỗ Quốc	Khiêm	04/04/93		GTSA.16205		2NT	3.50	4.25	4.50	12.50	35.30.24984	02	29-08-2011	- -
230	Nguyễn Kiệt Thùy	Khoa	04/09/93		GTSA.08413		2NT	2.25	5.50	4.50	12.50	44.24.00006	09	05-09-2011	- -
231	Nguyễn Văn	Khoa	06/09/93		GTSA.08427		1	4.75	6.00	4.00	15.00	40.08.00017	06	28-08-2011	- -
232	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/93		KTSA.00672		1	5.50	4.50	5.50	15.50	40.02.00308	06	28-08-2011	- -
233	Đào Thị	Khuyên	01/03/93	Nữ	GHAA.06431		2NT	3.75	5.25	5.50	14.50	28.59.00246	07	05-09-2011	- -
234	Nguyễn Văn	Kiểm	18/11/92		QSBA.03525		1	5.00	3.75	3.50	12.50	99.99.00447	09	10-09-2011	- -
235	Nguyễn Văn	Kiệt	20/08/92		CSSA.01927		1	5.00	6.50	7.50	19.00	40.02.04494	06	08-09-2011	- -
236	Trương Đức	Kiệt	29/01/93		KTSA.00689	01	2NT	5.25	5.50	4.75	15.50	45.04.00039	06	26-08-2011	- -
237	Nguyễn Trọng	Lai	15/09/92		GHAA.06609		2NT	6.50	4.75	3.50	15.00	16.01.02069	03	29-08-2011	- -
238	Nguyễn Thị Thu	Lài	07/04/93	Nữ	SPKA.04891		1	4.50	4.25	3.50	12.50	43.13.00679	08	01-09-2011	- -
239	Nguyễn Thị	Lam	21/09/93	Nữ	NHSA.03281		1	3.00	4.00	5.25	12.50	29.45.00550	07	05-09-2011	- -
240	Đỗ Tùng	Lâm	05/02/93		QSKA.01622		2	5.00	4.50	6.00	15.50	02.59.00019	01	29-08-2011	- -
241	Triệu Tùng	Lâm	08/10/93		NHFA.01038		1	3.50	6.50	5.50	15.50	13.02.08758	02	03-09-2011	- -
242	Nguyễn Vĩnh Kim	Lân	25/09/93		KTSA.00710		1	6.00	5.75	5.25	17.00	47.19.00001	06	12-09-2011	- -
243	Hoàng Công	Lãnh	14/05/93		KSAA.13604		1	6.75	4.50	5.50	17.00	43.20.00518	06	06-09-2011	- -
244	Lý Tài	Lập	19/02/93		QSKA.01634		1	3.75	5.00	3.25	12.00	42.27.00284	08	12-09-2011	- -
245	Lê Thị Quỳnh	Liên	22/02/92	Nữ	MBSA.04754		1	4.75	4.25	4.50	13.50	99.99.00647	07	08-09-2011	- -
246	Đan Hạnh	Linh	23/11/93	Nữ	GHAA.06862		1	4.00	5.00	5.25	14.50	09.08.00956	05	25-08-2011	- -
247	Đinh Thị	Linh	23/11/93	Nữ	TMAA.15365		2NT	4.75	5.25	4.50	14.50	25.77.02251	09	15-09-2011	- -
248	Khương Thị Hoài	Linh	15/03/93	Nữ	TMAA.15036		2NT	6.75	7.00	4.50	18.50	25.67.01858	05	12-09-2011	- -
249	Lê Thị	Linh	02/05/93	Nữ	TMAA.14540		2NT	5.50	5.75	3.50	15.00	28.75.02316	07	26-08-2011	- -
250	Nguyễn Phạm Di	Linh	22/12/93		HUIA.43099		2	4.50	4.25	4.50	13.50	34.D4.00889	04	30-08-2011	- -
251	Nguyễn Triệu	Linh	18/05/93		GHAA.07015		3	7.00	4.50	3.50	15.00	1A.02.00483	03	26-08-2011	- -
252	Phạm Thị	Linh	03/04/93	Nữ	DCNA.01171		2NT	5.50	5.25	4.00	15.00	30.19.00095	07	26-08-2011	- -
253	Quách Trọng Nhật	Linh	14/02/93		KTSA.00727		1	5.75	5.25	5.50	16.50	40.12.01154	06	31-08-2011	- -
254	Tông Thị	Linh	08/03/93	Nữ	GHAA.07063		2NT	7.00	5.00	2.75	15.00	28.59.00253	02	25-08-2011	- -
255	Trần Duy	Linh	23/01/93		DMSA.06425		1	3.50	5.00	5.50	14.00	43.11.00032	07	25-08-2011	- -
256	Trần Mạnh	Linh	01/05/92		GHAA.07071		2NT	5.50	4.00	4.75	14.50	18.32.00317	09	12-09-2011	- -
257	Trần Thị Diệu	Linh	31/08/93	Nữ	KHAA.08134		3	6.25	7.75	5.50	19.50	1A.39.00749	05	15-09-2011	- -
258	Võ Vũ	Linh	13/01/93		NHSA.03648		2NT	4.75	5.50	4.50	15.00	49.12.00005	01	06-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
259	Bùi Thị	Loan	16/05/93	Nữ	KSAA.16214		1	5.25	6.25	4.50	16.00	30.03.00868	05	25-08-2011	- -
260	Đỗ Thị Tô	Loan	20/03/93	Nữ	QSKA.01806		1	6.75	5.50	3.00	15.50	40.02.00015	07	14-09-2011	- -
261	Nguyễn Hữu	Lộc	05/07/93		GTSA.08543		1	4.25	5.50	4.25	14.00	40.18.00392	01	29-08-2011	- -
262	Nguyễn Tấn	Lợi	12/07/93		KSAA.19086		2NT	5.25	5.50	6.00	17.00	35.27.21737	06	30-08-2011	- -
263	Đoàn Thị	Long	10/10/93	Nữ	QSKA.05118		2NT	6.25	5.50	5.50	17.50	34.23.00092	06	10-09-2011	- -
264	Lê Thành	Long	16/09/93		GHAA.07210		2	3.00	5.50	5.75	14.50	28.30.01444	01	28-08-2011	10-09-2011
265	Lê Thành	Long	16/09/93		GHAA.07210		2	3.00	5.50	5.75	14.50	28.30.01444	09	15-09-2011	- -
266	Nguyễn Hoàng	Long	22/06/93		DCNA.28335		2	5.00	6.00	3.25	14.50	1A.82.00328	04	15-09-2011	- -
267	Lê Văn	Luân	15/12/90		QSKA.01869		2NT	4.50	6.25	4.00	15.00	28.22.00813	05	26-08-2011	- -
268	Nguyễn Văn	Luân	20/02/92		GHAA.07413		2NT	5.50	4.25	4.25	14.00	25.66.00507	09	14-09-2011	- -
269	Đặng Danh	Luận	19/05/93		KTAA.08206		2	4.25	5.50	3.75	13.50	29.03.00445	02	25-08-2011	09-09-2011
270	Đặng Danh	Luận	19/05/93		KTAA.08206		2	4.25	5.50	3.75	13.50	29.03.00445	04	09-09-2011	- -
271	Hồ Văn	Luôn	02/02/93		QSBA.13454		2NT	6.75	5.75	5.00	17.50	39.02.00035	06	25-08-2011	- -
272	Ngô Thị	Lương	02/04/92	Nữ	KSAA.10120		2NT	5.25	6.25	4.50	16.00	98.21.00195	07	13-09-2011	- -
273	Lê Thị	Lương	10/09/93	Nữ	GHAA.07480	01	1	2.00	5.25	5.25	12.50	28.41.00286	01	01-09-2011	- -
274	Nguyễn Thanh	Lương	10/03/93		GTSA.14470		1	5.00	4.25	4.50	14.00	34.47.02210	01	05-09-2011	- -
275	Nguyễn Thị Thanh	Luyên	07/04/93	Nữ	GTSA.15513		2NT	6.75	5.75	3.00	15.50	35.23.16385	06	31-08-2011	09-09-2011
276	Nguyễn Thị Thanh	Luyên	07/04/93	Nữ	GTSA.15513		2NT	6.75	5.75	3.00	15.50	35.23.16385	02	09-09-2011	- -
277	Nguyễn Văn	Lý	03/05/93		GHAA.21115		1	4.50	5.25	4.75	14.50	99.99.00869	01	31-08-2011	09-09-2011
278	Nguyễn Văn	Lý	03/05/93		GHAA.21115		1	4.50	5.25	4.75	14.50	99.99.00869	02	09-09-2011	- -
279	Dương Thị	Mai	18/10/93	Nữ	TMAA.16809		2NT	4.25	5.25	4.50	14.00	18.26.00735	07	26-08-2011	- -
280	Dương Thị Xuân	Mai	27/07/93	Nữ	NHSA.03988		3	4.50	4.75	5.25	14.50	02.57.00037	08	06-09-2011	- -
281	Lê Quỳnh	Mai	09/10/93	Nữ	HTCA.05585		2	7.00	5.75	5.25	18.00	28.30.00431	05	30-08-2011	- -
282	Nguyễn Thị	Mai	02/05/92	Nữ	GTSA.12416		1	3.25	4.50	4.75	12.50	42.62.00157	05	05-09-2011	- -
283	Hoàng Văn	Mạnh	25/10/93		CSHA.01831		2NT	2.50	3.00	8.25	14.00	29.00.00042	03	15-09-2011	- -
284	Nguyễn Thế	Mạnh	27/05/93		GHAA.07761		2	4.25	5.50	4.75	14.50	25.04.01954	03	15-09-2011	- -
285	Bùi Xuân	Mên	20/07/88		QSBA.04223		1	4.00	3.50	4.50	12.00	98.98.00547	03	13-09-2011	- -
286	Nguyễn Tăng	Mên	15/07/93		KSAA.17679		3	6.00	7.00	5.00	18.00	02.S2.01094	01	29-08-2011	- -
287	Đào Quang	Minh	21/04/92		CSHA.01861		3	4.25	5.50	4.25	14.00	03.00.00012	09	15-09-2011	- -
288	Lê	Minh	01/09/93		KTSA.00818		2NT	4.00	6.75	6.00	17.00	53.19.00001	06	01-09-2011	- -
289	Trần Đức	Minh	28/09/93		KTSA.00801		1	4.75	5.00	5.25	15.00	42.21.00078	06	31-08-2011	- -
290	Võ Thanh	Minh	05/09/93		GTSA.16513		2NT	4.50	4.00	4.25	13.00	39.02.00404	05	25-08-2011	- -
291	Nguyễn Tiên	Mười	04/12/91		HDTA.02491		2NT	3.75	5.00	5.50	14.50	28.22.00648	02	12-09-2011	- -
292	Nguyễn Văn	Mỹ	05/12/93		QSBA.04398		2	5.75	4.75	4.75	15.50	32.24.00295	02	31-08-2011	- -
293	Bùi Văn	Nam	20/01/92		BKAA.07209		2NT	5.00	4.50	4.50	14.00	28.25.00008	04	08-09-2011	- -
294	Đặng Văn	Nam	06/07/92		KPHA.00141		2NT	5.25	3.75	4.50	13.50	28.18.00156	02	25-08-2011	- -
295	Lê Huy	Nam	12/07/93		GHAA.08150		2NT	5.25	4.50	4.50	14.50	28.53.00332	04	12-09-2011	- -
296	Nguyễn Hoàng	Nam	07/12/93		KTSA.01838		1	5.00	5.75	5.25	16.00	54.02.00010	06	27-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
297	Nguyễn Thành	Nam	19/02/93		KSA.A.21672		1	5.25	4.25	6.50	16.00	37.23.00544	06	26-08-2011	- -
298	Nguyễn Văn	Nam	10/10/93		KTSA.01835		1	5.00	5.75	5.50	16.50	57.05.00007	06	31-08-2011	- -
299	Nguyễn Văn	Nam	22/01/92		KTSA.00828	06	2NT	5.50	4.75	6.00	16.50	29.60.00000	06	31-08-2011	- -
300	Phạm Hoài	Nam	20/05/93		CSSA.02380		2NT	6.50	7.25	4.50	18.50	37.02.03708	01	25-08-2011	- -
301	Phan Xuân	Nam	20/04/93		GTSA.08657		1	5.75	4.50	4.00	14.50	29.74.00460	06	05-09-2011	- -
302	Hồ Thị Minh	Nga	10/10/93	Nữ	SGDA.07786		2NT	6.25	5.00	2.50	14.00	35.27.21986	05	29-08-2011	08-09-2011
303	Huỳnh Thị Kiều	Nga	15/05/93	Nữ	QSKA.02110		1	5.75	4.75	4.00	14.50	40.08.01582	07	06-09-2011	- -
304	Lê Thị Quỳnh	Nga	18/05/93	Nữ	KSA.A.13186		2NT	3.25	5.50	5.50	14.50	41.09.00480	05	14-09-2011	- -
305	Nguyễn Thị Thúy	Nga	20/10/93	Nữ	KSA.A.16425		2NT	5.75	4.00	5.00	15.00	30.07.00902	07	06-09-2011	- -
306	Tô Thị	Nga	24/07/93	Nữ	QSKA.02112		2NT	5.50	5.75	4.25	15.50	28.65.00664	07	26-08-2011	- -
307	Vũ Thị Nguyệt	Nga	27/12/93	Nữ	TMAA.18337		2NT	5.50	4.50	3.50	13.50	25.16.00462	07	25-08-2011	- -
308	Hoàng Công	Ngân	08/01/90		QSBA.04529		2	4.50	6.75	4.50	16.00	98.98.00187	06	13-09-2011	- -
309	Lê Thanh	Nghi	03/03/93		KTAA.05784		2NT	5.50	5.00	4.75	15.50	27.41.00302	02	31-08-2011	- -
310	Đặng Văn	Nghĩa	16/06/93		GHAA.21229		2NT	4.75	4.50	4.25	13.50	29.80.00206	02	29-08-2011	- -
311	Lê Văn	Nghĩa	22/09/92		KSA.A.03586		1	4.75	4.75	4.50	14.00	98.11.00014	06	15-09-2011	- -
312	Nguyễn Hữu	Nghĩa	13/08/93		SPKA.06258		1	2.50	5.50	3.75	12.00	40.15.00408	03	26-08-2011	- -
313	Trần Văn	Nghĩa	29/07/92		QSBA.13506		2	3.75	6.00	4.50	14.50	35.08.03190	04	25-08-2011	- -
314	Cao Thị	Ngoan	20/05/93	Nữ	KTAA.05790		2NT	5.00	5.00	5.00	15.00	25.28.00626	05	29-08-2011	- -
315	Trần Anh	Ngoan	02/01/90		SPKA.14638	03	2	3.50	5.00	3.00	11.50	39.17.00195	07	07-09-2011	- -
316	Đặng Xuân	Ngọc	01/09/93		GHAA.08578	06	2NT	4.75	4.50	3.50	13.00	25.16.00757	02	25-08-2011	- -
317	Đào Thị	Ngọc	20/02/93	Nữ	KSA.A.16963		2	6.00	6.00	4.75	17.00	48.43.00979	07	26-08-2011	- -
318	Nguyễn Đăng	Ngọc	05/06/93		QSKA.02275		2NT	6.75	5.75	3.00	15.50	29.30.00446	05	27-08-2011	- -
319	Nguyễn Hữu	Ngọc	20/10/93		KTAA.08249	06	2NT	6.25	5.75	2.75	15.00	29.49.00627	01	09-09-2011	10-09-2011
320	Nguyễn Hữu	Ngọc	20/10/93		KTAA.08249	06	2NT	6.25	5.75	2.75	15.00	29.49.00627	01	15-09-2011	- -
321	Nguyễn Thị	Ngọc	01/01/92	Nữ	GTSA.16525		2NT	4.50	4.25	4.00	13.00	35.03.01224	09	14-09-2011	- -
322	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/05/93	Nữ	NHSA.04671		1	4.25	6.25	5.50	16.00	40.11.01173	07	01-09-2011	- -
323	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/05/92	Nữ	KSA.A.12195		2NT	3.50	6.00	4.50	14.00	29.77.00370	07	03-09-2011	- -
324	Trần Duy	Ngọc	24/09/93		KHAA.10101		2	6.50	4.50	4.50	15.50	25.04.02788	02	15-09-2011	- -
325	Trần Phúc	Ngôn	23/02/93		GTSA.04559		2	3.75	5.50	4.50	14.00	47.01.00003	08	13-09-2011	- -
326	Nguyễn Văn	Ngữ	02/06/92		XDAA.07442		2NT	5.50	6.00	4.25	16.00	27.07.00423	06	26-08-2011	- -
327	Bùi Phú	Nguyên	21/03/93		KSA.A.21097		2	6.75	5.75	5.50	18.00	37.03.00215	01	06-09-2011	- -
328	Đặng Thị Thanh	Nhân	02/10/93	Nữ	DMSA.08903		1	5.00	4.50	4.50	14.00	47.19.00006	07	26-08-2011	- -
329	Trần Thị Thanh	Nhân	20/09/93	Nữ	TMAA.19726		2NT	3.25	5.25	5.75	14.50	27.72.00704	08	01-09-2011	- -
330	Lại Thành	Nhân	26/01/93		KTSA.00898		2	7.50	5.75	4.75	18.00	02.65.00001	06	30-08-2011	- -
331	Lê Minh	Nhân	24/01/93		GTSA.08743		2	5.50	4.75	2.50	13.00	53.25.00018	03	08-09-2011	- -
332	Lê Trọng	Nhân	23/04/93		KTSA.02041		1	5.75	4.75	5.00	15.50	37.23.00468	06	26-08-2011	10-09-2011
333	Lê Trọng	Nhân	23/04/93		KTSA.02041		1	5.75	4.75	5.00	15.50	37.23.00468	01	10-09-2011	- -
334	Nguyễn Đình	Nhân	23/01/93		QSBA.04853		1	4.50	5.25	4.25	14.00	30.03.00895	06	26-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
335	Nguyễn Thành	Nhân	27/09/92		QSBA.13538		2NT	4.50	7.00	5.00	16.50	37.33.00638	02	15-09-2011	- -
336	Nguyễn Thanh Vi	Nhân	09/11/93		KTSA.02040		2NT	4.25	5.00	5.50	15.00	37.42.00716	03	15-09-2011	- -
337	Trần Hải	Nhân	20/06/93		CSHA.02059		2NT	5.75	6.00	7.25	19.00	31.00.00008	06	06-09-2011	- -
338	Trần Lê Thanh	Nhân	10/05/92		KSAA.21510		2NT	6.75	5.25	5.50	17.50	37.15.00407	01	09-09-2011	- -
339	Đặng Thanh	Nhân	27/08/93		KTSA.02047		2NT	6.00	6.50	5.00	17.50	39.06.00007	06	08-09-2011	- -
340	Hàng Trung	Nhật	26/11/93		KTSA.00926		2NT	4.00	6.25	6.75	17.00	41.45.00073	06	26-08-2011	- -
341	Phan Thị Hồng	Nhi	10/01/93	Nữ	DQNA.08136		2NT	5.25	4.50	4.50	14.50	35.27.01444	07	27-08-2011	- -
342	Đỗ Quỳnh	Như	26/09/93	Nữ	DMSA.19661		1	2.50	6.00	3.75	12.50	38.13.00201	07	25-08-2011	- -
343	Nguyễn Quỳnh	Như	17/06/93	Nữ	NHSA.05204		2NT	5.75	5.50	4.50	16.00	41.24.00348	05	25-08-2011	- -
344	Phạm Thị	Nhung	08/11/92	Nữ	KSAA.18557		2NT	6.00	5.25	3.00	14.50	28.15.01403	08	15-09-2011	- -
345	Phan Thị	Nhung	15/05/92	Nữ	KSAA.10723		2NT	4.00	4.50	5.25	14.00	29.53.00241	05	29-08-2011	- -
346	Nguyễn Minh	Như	07/03/93		QSBA.05060		2	5.00	6.25	4.75	16.00	50.41.41014	06	26-08-2011	05-09-2011
347	Lê Hồng	Oanh	07/06/92		BKAA.13915		2NT	5.25	4.75	3.50	13.50	30.19.00002	03	07-09-2011	- -
348	Phan Ngọc	Oanh	20/04/93		GHAA.21344		2NT	6.00	5.50	3.50	15.00	30.19.00123	03	05-09-2011	- -
349	Tạ Thị Kiều	Oanh	01/05/93	Nữ	DMSA.09923		2	4.00	5.50	3.50	13.00	48.03.00077	08	15-09-2011	- -
350	Võ Thị	Oanh	10/11/93	Nữ	GHAA.21348		2NT	4.00	6.50	4.50	15.00	30.16.00101	07	29-08-2011	- -
351	Phạm Văn	Phái	08/08/93		CSSA.02726		1	4.50	6.50	3.75	15.00	37.02.03719	06	31-08-2011	- -
352	Hoàng Nhuận	Phát	13/04/93		QSKA.02605		2	7.50	5.00	4.75	17.50	32.25.00038	01	01-09-2011	- -
353	Đào Anh	Phi	15/09/93		GTSA.04639		2NT	4.00	5.25	5.25	14.50	35.20.11313	01	26-08-2011	- -
354	Trần Trọng	Phi	14/01/93		DDKA.10044		1	3.75	5.50	4.25	13.50	31.39.18305	05	26-08-2011	- -
355	Đặng Minh	Phong	27/07/92		DDKA.10084		2NT	2.00	5.25	5.50	13.00	29.54.07503	02	01-09-2011	- -
356	Đoàn Ngọc	Phong	26/06/89		KTSA.00977		1	5.00	5.50	4.75	15.50	98.05.00007	06	31-08-2011	09-09-2011
357	Đoàn Ngọc	Phong	26/06/89		KTSA.00977		1	5.00	5.50	4.75	15.50	98.05.00007	01	15-09-2011	- -
358	Nguyễn Quang	Phòng	22/05/89		KSAA.10069	03	1	5.00	5.00	3.00	13.00	40.08.00191	06	03-09-2011	- -
359	Cù Việt	Phú	25/12/93		KHAA.21372		2	5.75	6.25	7.25	19.50	30.10.00450	01	29-08-2011	- -
360	Nguyễn Trọng	Phú	09/03/93		GHAA.21387		2	6.00	4.75	4.50	15.50	29.03.00343	01	31-08-2011	- -
361	Nguyễn Xuân	Phú	24/11/93		DMSA.10170		1	4.75	5.25	4.50	14.50	43.06.00024	06	29-08-2011	- -
362	Trần Xuân	Phú	15/08/92		TDVA.03924		1	4.25	4.25	4.50	13.00	29.50.00002	04	06-09-2011	- -
363	Nguyễn Văn	Phúc	25/05/93		CSSA.02870		1	5.25	5.25	5.00	15.50	40.02.04458	06	28-08-2011	- -
364	Lê Hữu	Phước	01/05/93		GTSA.16544		2NT	3.50	5.25	4.00	13.00	37.42.00310	05	27-08-2011	- -
365	Nguyễn Thị	Phương	21/01/92	Nữ	DDLA.11769		2NT	4.25	5.25	4.50	14.00	30.12.00111	07	09-09-2011	- -
366	Nguyễn Thị Thảo	Phương	28/01/93	Nữ	GTSA.13123		2	3.25	5.25	4.25	13.00	52.04.00013	09	15-09-2011	- -
367	Phạm Thị Thu	Phương	26/05/93	Nữ	KSAA.18497		2NT	6.00	5.50	5.50	17.00	25.21.01296	07	13-09-2011	- -
368	Thân Thị Thu	Phương	22/10/93	Nữ	QSTA.00816		1	4.75	3.25	5.25	13.50	43.08.00096	09	25-08-2011	- -
369	Trần Xuân	Phương	03/07/89		KQSA.01867	03	1	2.00	3.50	4.75	10.50	C2. 00580	02	06-09-2011	10-09-2011
370	Vũ Huyền	Phương	12/09/93	Nữ	HTCA.07159		1	5.25	5.50	4.75	15.50	27.21.00574	09	15-09-2011	- -
371	Mai Thị	Phương	02/06/93	Nữ	HHAA.08546		2NT	6.00	4.00	3.25	13.50	28.79.00333	09	05-09-2011	- -
372	Nguyễn Thị	Phương	30/11/91	Nữ	DDQA.39765		2	4.00	6.50	4.25	15.00	31.01.18808	07	10-09-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
373	Võ Thị Phương	02/10/92	Nữ	NHSA.05809		2NT	6.25	4.50	4.25	15.00	98.21.00047	05	09-09-2011	- -
374	Nguyễn Văn Quân	12/03/93		SPKA.07781		2	5.75	4.00	4.75	14.50	52.02.00011	06	25-08-2011	- -
375	Trần Mạnh Quân	18/03/92		CSHA.02235		1	5.25	5.75	7.25	18.50	18.00.00011	03	15-09-2011	- -
376	Đào Xuân Quang	16/06/93		KTSA.01078		2	6.25	4.25	3.00	13.50	99.99.00142	04	25-08-2011	- -
377	Đỗ Minh Quang	19/09/93		CSSA.03005		1	5.25	5.50	4.50	15.50	42.02.05349	01	07-09-2011	- -
378	Lê Nhứt Quang	28/01/93		SPKA.07647		2NT	4.75	4.75	4.50	14.00	37.37.00807	04	14-09-2011	- -
379	Đình Văn Quê	29/10/93		CSSA.03039		1	4.50	4.25	5.50	14.50	40.02.04467	02	01-09-2011	- -
380	Bùi Văn Nhân	17/03/93		QSBA.05730		2	5.00	5.00	3.75	14.00	50.41.41002	05	29-08-2011	05-09-2011
381	Đới Xuân Quốc	18/02/93		GHA.A.09832		2NT	5.75	3.50	4.75	14.00	28.87.00350	05	29-08-2011	- -
382	Đình Thị Ngọc Quý	20/10/93	Nữ	HUIA.24861		1	3.75	3.75	5.50	13.00	30.27.00747	07	05-09-2011	- -
383	Hồ Hoàng Bảo Quý	26/02/93		KTSA.01118		2	5.25	6.25	4.25	16.00	02.59.00003	06	26-08-2011	- -
384	Huỳnh Ngọc Quý	12/08/93		KTSA.01117		2	5.75	6.50	3.50	16.00	02.S2.00069	06	25-08-2011	01-09-2011
385	Nguyễn Ngọc Quý	15/11/93		GHA.A.21525		2	6.75	3.50	5.25	15.50	29.07.00435	04	30-08-2011	- -
386	Nguyễn Thị Quý	14/08/93	Nữ	KSAA.19006		2NT	4.75	6.25	5.50	16.50	35.22.14878	05	31-08-2011	01-09-2011
387	Nguyễn Thị Quý	14/08/93	Nữ	KSAA.19006		2NT	4.75	6.25	5.50	16.50	35.22.14878	07	01-09-2011	- -
388	Nguyễn Văn Quý	02/09/93		DDKA.11362		1	2.25	5.25	4.50	12.00	30.02.12056	03	25-08-2011	- -
389	Phan Chí Quý	26/09/93		MDA.A.14383		2	5.75	4.75	3.50	14.00	30.10.00629	04	15-09-2011	- -
390	Phạm Văn Quyền	02/02/93		QSBA.13629		2NT	5.00	4.50	3.25	13.00	34.37.00010	03	15-09-2011	- -
391	Chu Thị Quỳnh	24/07/93	Nữ	HUIA.25023		1	2.25	5.50	4.00	12.00	44.14.00009	04	15-09-2011	- -
392	Nguyễn Thị Quỳnh	02/09/93	Nữ	KSAA.17213		2NT	4.75	4.50	5.25	14.50	28.68.01020	07	06-09-2011	- -
393	Nguyễn Thị Sâm	10/10/93	Nữ	KSAA.09893		1	4.00	4.50	5.50	14.00	29.32.00178	07	01-09-2011	- -
394	Trần Ngọc Sáng	05/06/93		HQHA.00772		2NT	4.25	4.50	4.50	13.50	30.06.00155	02	05-09-2011	- -
395	Trương Quang Sáng	01/01/93		QSBA.05962		1	4.25	5.25	4.50	14.00	47.25.00010	03	29-08-2011	- -
396	Lê Văn Sáu	15/01/92		XDAA.07932		2NT	4.25	5.50	5.25	15.00	28.20.00100	02	01-09-2011	- -
397	Nguyễn Văn Sáu	06/08/92		HEHA.00886		2NT	5.00	5.50	5.50	16.00	27.08.00036	02	12-09-2011	- -
398	Lê Thị Sen	05/08/93	Nữ	NHHA.07878		2	4.75	6.50	5.50	17.00	16.82.00147	07	25-08-2011	- -
399	Nguyễn Quang Sĩ	15/06/93		KSAA.19069		2NT	5.50	6.25	5.50	17.50	35.24.17950	06	29-08-2011	- -
400	Hồ Đăng Sinh	03/01/92		QSBA.05974	06	2NT	5.25	5.25	4.75	15.50	32.23.00263	06	26-08-2011	- -
401	Nguyễn Thanh Sinh	07/03/93		KSAA.16008		1	5.50	5.50	5.50	16.50	42.36.00843	01	07-09-2011	- -
402	Bùi Hoàn Sơn	10/05/90		KTSA.01175		2NT	3.75	5.50	5.50	15.00	98.05.00022	02	30-08-2011	- -
403	Ngô Đình Sơn	07/11/93		SPKA.15006		1	3.25	4.50	4.00	12.00	37.12.00408	03	14-09-2011	- -
404	Ngô Văn Sơn	04/11/92		HHKA.01363		2NT	5.75	4.75	4.50	15.00	98.98.00013	02	15-09-2011	- -
405	Nguyễn Ngọc Sơn	06/06/93		KTSA.01164		3	6.25	5.75	6.00	18.00	02.01.00006	01	25-08-2011	- -
406	Nguyễn Thọ Sơn	21/05/92		CSHA.02448		2NT	4.50	5.50	5.75	16.00	29.00.00151	06	26-08-2011	- -
407	Nguyễn Tuấn Sơn	11/10/92		XDAA.10088		1	6.25	6.25	3.25	16.00	30.01.00292	02	13-09-2011	- -
408	Nguyễn Văn Sơn	07/02/92		SNHA.00268	06	1	5.00	4.50	4.50	14.00	29.15.00069	02	29-08-2011	- -
409	Dương Văn Tài	12/10/93		TMA.A.36839		2NT	5.25	4.50	4.00	14.00	99.99.02856	06	29-08-2011	- -
410	Hà Đức Tài	10/07/93		KSAA.13640		1	4.25	6.25	4.50	15.00	31.11.00521	06	28-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
411	Nguyễn Ngọc	Tài	28/10/93		KSAA.11182		2NT	5.75	4.75	4.75	15.50	98.01.00280	07	07-09-2011	- -
412	Trần Anh	Tài	01/04/93		GHAA.21630		2	4.00	5.50	4.25	14.00	29.03.00385	02	05-09-2011	- -
413	Đỗ Hoàng	Tâm	14/07/93		HEHA.00926		2NT	6.25	5.50	4.25	16.00	28.26.00164	01	26-08-2011	- -
414	Hồ Duy	Tân	05/07/92		QSBA.06336		1	3.00	4.25	5.00	12.50	63.04.00001	08	13-09-2011	- -
415	Lê Đăng	Tân	01/07/91		GHAA.10653		2NT	5.75	5.00	4.00	15.00	28.15.00915	04	26-08-2011	- -
416	Nguyễn Minh	Tân	12/08/92		CSSA.03386		2	4.50	5.00	4.75	14.50	39.02.04239	08	06-09-2011	- -
417	Nguyễn Trọng	Tân	30/04/93		GHAA.10674		2	4.75	5.00	5.25	15.00	25.03.01937	05	03-09-2011	10-09-2011
418	Nguyễn Trọng	Tân	30/04/93		GHAA.10674		2	4.75	5.00	5.25	15.00	25.03.01937	09	15-09-2011	- -
419	Nguyễn Việt	Tân	19/05/93		GTSA.09094		2	4.00	6.00	5.75	16.00	52.09.00012	06	06-09-2011	- -
420	Trần Đình	Tân	21/04/92		QSBA.06388		2NT	5.00	5.25	6.00	16.50	30.09.00952	06	29-08-2011	- -
421	Lê Công	Thái	03/01/93		DDKA.12840		2NT	2.50	4.50	6.75	14.00	31.33.17886	06	26-08-2011	- -
422	Lê Văn	Thân	22/09/92		KTAA.06520		2NT	6.75	5.00	4.50	16.50	28.22.00305	06	26-08-2011	- -
423	Nguyễn Văn	Thăng	01/10/92		KTSA.01314		1	6.00	4.75	5.00	16.00	99.99.00187	01	01-09-2011	- -
424	Nguyễn Văn	Thăng	14/04/93		HCSA.00456		1	2.75	4.25	5.25	12.50	40.15.00808	02	30-08-2011	- -
425	Nguyễn Xuân	Thăng	12/10/93		KTAA.06756		2NT	6.25	4.50	4.25	15.00	16.51.13423	02	12-09-2011	- -
426	Lê Thị	Thanh	30/01/93	Nữ	SGDA.11873		1	3.75	3.75	4.75	12.50	44.09.00005	09	15-09-2011	- -
427	Phạm Văn	Thanh	20/05/90		KTSA.01244		2NT	6.00	5.50	4.25	16.00	98.01.00009	01	15-09-2011	- -
428	Phùng Văn	Thanh	18/04/93		KSAA.21175		1	4.75	5.50	4.50	15.00	38.22.00255	02	10-09-2011	- -
429	Trần Thị	Thanh	11/03/92	Nữ	NHSA.06389		1	4.00	4.50	5.00	13.50	99.99.00300	07	01-09-2011	- -
430	Võ Văn	Thanh	03/03/93		KSAA.08813		2	5.75	7.25	4.25	17.50	29.14.00120	01	27-08-2011	- -
431	Đặng Bá	Thành	11/11/85		KTAA.06633	04	1	4.50	3.50	4.75	13.00	42.E2.00001	06	30-08-2011	- -
432	Nguyễn Đình	Thành	04/04/93		QSBA.06611		2	4.25	6.50	7.25	18.00	48.03.00091	01	29-08-2011	- -
433	Nguyễn Thái	Thành	20/04/93		QSKA.05385		2	5.00	4.50	4.75	14.50	39.01.00208	08	15-09-2011	- -
434	Tông Tất	Thành	23/05/93		KTSA.01274		1	4.75	5.50	5.50	16.00	63.06.00500	07	29-08-2011	- -
435	Trần Văn	Thành	09/02/92		SNHA.00290		2NT	5.00	6.25	5.00	16.50	28.16.00015	01	27-08-2011	- -
436	Trần Văn	Thành	28/10/92		GTSA.09157		1	3.00	5.75	5.50	14.50	99.99.00571	05	01-09-2011	- -
437	Bùi Quang Phương	Thảo	07/03/93		CSSA.03475		2NT	5.50	5.50	3.50	14.50	32.00.02312	02	05-09-2011	- -
438	Đào Thị	Thảo	03/03/93	Nữ	GHAA.21710		2NT	5.50	4.50	4.00	14.00	29.44.00350	05	26-08-2011	- -
439	Nguyễn Thị	Thảo	20/09/93	Nữ	DDQA.41602		1	3.00	4.50	4.75	12.50	38.02.53433	07	26-08-2011	- -
440	Phạm Thị Phương	Thảo	16/10/93	Nữ	QSBA.06731		3	4.50	4.75	4.25	13.50	02.57.00077	04	12-09-2011	- -
441	Trần Đặng Thị Thanh	Thảo	01/12/93	Nữ	GHAA.11107		2	3.75	5.75	4.50	14.00	25.03.01949	07	25-08-2011	- -
442	Trần Thị Thanh	Thảo	13/12/93	Nữ	KSAA.17395		1	3.00	4.00	5.25	12.50	42.21.01049	05	25-08-2011	- -
443	Trần Võ Minh	Thảo	06/10/92		DMSA.12686		2NT	4.50	5.00	4.75	14.50	53.10.00046	08	13-09-2011	- -
444	Phạm Văn	Thê	16/04/93		GTSA.15700		1	4.00	6.25	4.50	15.00	38.38.00127	06	26-08-2011	09-09-2011
445	Phạm Văn	Thê	16/04/93		GTSA.15700		1	4.00	6.25	4.50	15.00	38.38.00127	05	09-09-2011	- -
446	Phạm Thăng	Thiên	19/11/91		DTTA.12151		1	5.50	6.00	2.50	14.00	98.21.00070	03	13-09-2011	- -
447	Bùi Hoàng Trường	Thiện	21/02/93		KSAA.02574		2	7.25	4.75	4.50	16.50	47.13.00008	02	25-08-2011	- -
448	Võ Quang	Thiệu	01/03/92		KTSA.01335		2NT	4.75	5.50	5.50	16.00	99.99.00490	06	01-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
449	Đặng Hoàng	Thìn	24/04/93		QSBA.06993		2NT	3.75	5.50	4.50	14.00	49.08.00050	02	29-08-2011	- -
450	Huỳnh Hồng	Thịnh	12/12/92		KTSA.01340		2	4.00	6.25	5.25	15.50	99.99.00132	05	29-08-2011	- -
451	Võ Công	Thịnh	02/11/93		DTTA.18226		1	3.75	5.25	4.50	13.50	38.02.00679	05	25-08-2011	- -
452	Hoàng Thị	Thơ	24/04/93	Nữ	DTTA.12454		1	4.25	5.25	5.00	14.50	42.49.00193	09	25-08-2011	06-09-2011
453	Hoàng Thị	Thơ	24/04/93	Nữ	DTTA.12454		1	4.25	5.25	5.00	14.50	42.49.00193	05	06-09-2011	- -
454	Trần Thị Cẩm	Thơ	12/10/93	Nữ	KSAA.13880		1	7.50	4.25	5.00	17.00	30.29.00555	05	15-09-2011	- -
455	Võ Thị Kim	Thoa	05/05/93	Nữ	MBSA.15518		1	3.25	5.25	3.75	12.50	37.23.00481	07	09-09-2011	- -
456	Nguyễn Thị Kim	Thơm	10/02/93	Nữ	GTSA.11800		2NT	3.50	4.25	4.50	12.50	41.10.00331	08	05-09-2011	- -
457	Ninh Thị	Thơm	15/08/93	Nữ	GHAA.12270		2NT	5.00	4.50	3.50	13.00	25.34.03057	09	09-09-2011	- -
458	Chu Minh	Thông	30/06/92		GHAA.21815		2NT	6.25	4.50	4.25	15.00	29.60.00000	02	31-08-2011	- -
459	Trần Sỹ	Thông	23/01/93		QSBA.07161		1	4.75	6.25	3.50	14.50	30.02.01246	02	15-09-2011	- -
460	Võ Hoài	Thông	06/12/93		KTSA.01371		1	5.25	5.50	5.00	16.00	56.44.00064	06	29-08-2011	- -
461	Hồ Thị Hoài	Thu	25/05/93	Nữ	KSAA.17931		2NT	4.50	6.00	4.50	15.00	30.32.01130	07	29-08-2011	- -
462	Nguyễn Quỳnh	Thu	27/07/93	Nữ	TMAA.26075		2	5.75	4.50	4.50	15.00	28.34.01207	07	15-09-2011	- -
463	Trần Thị Diệu	Thu	28/09/93	Nữ	DMSA.13330		2NT	3.75	5.25	5.25	14.50	30.32.01031	07	31-08-2011	- -
464	Ngô Thị Kim	Thư	28/11/93	Nữ	NHSA.07527		1	4.50	4.50	4.25	13.50	48.29.00458	07	25-08-2011	- -
465	Nguyễn Văn	Thư	05/04/92		KTSA.01403		2NT	4.75	6.00	5.50	16.50	35.05.02370	06	26-08-2011	- -
466	Nguyễn Đức	Thuận	08/04/92		GTSA.09284		2	4.50	5.50	5.50	15.50	99.99.00532	03	12-09-2011	- -
467	Nguyễn Văn	Thuận	11/02/93		GTSA.15724		2NT	4.75	4.50	6.25	15.50	37.10.00505	06	25-08-2011	- -
468	Hồ Thị	Thương	13/02/93	Nữ	MBSA.10452		2NT	4.25	3.50	4.50	12.50	31.27.00423	08	01-09-2011	- -
469	Nguyễn Thị Huy	Thương	10/07/93	Nữ	DTTA.18292	06	2NT	4.50	3.25	3.50	11.50	37.33.01730	08	13-09-2011	- -
470	Phạm Quang	Thường	08/01/92		XDAA.07387		2	4.25	6.00	4.50	15.00	27.02.00127	02	07-09-2011	- -
471	Phạm Hoàng	Thượng	11/04/93		QSKA.03672		2NT	4.00	5.50	3.75	13.50	99.99.00154	03	14-09-2011	- -
472	Trần Thị	Thúy	20/11/93	Nữ	QSKA.03506		2NT	5.50	4.50	4.00	14.00	29.56.00002	07	29-08-2011	- -
473	Dương Thị	Thúy	20/05/93	Nữ	DMSA.13508		1	3.75	5.00	4.50	13.50	40.60.00879	07	05-09-2011	- -
474	Nguyễn Thị	Thúy	25/11/93	Nữ	QSKA.03532		2NT	4.25	4.50	5.25	14.00	29.34.00601	09	29-08-2011	- -
475	Lê Thị	Thúy	19/12/93	Nữ	TMAA.37169		1	5.25	4.75	3.75	14.00	29.32.00862	07	27-08-2011	- -
476	Nguyễn Thị	Thúy	28/04/93	Nữ	TMAA.26834		2	4.75	6.00	4.50	15.50	25.06.00383	07	25-08-2011	- -
477	Vũ Thị Thu	Thúy	15/09/93	Nữ	DMSA.13712		2NT	4.50	5.25	4.25	14.00	35.30.24705	07	26-08-2011	- -
478	Nguyễn Văn	Thuyết	24/08/93		GHAA.21843		2NT	5.25	4.50	3.75	13.50	29.56.00012	08	07-09-2011	- -
479	Phan Lê Nhật	Tiên	09/11/93	Nữ	GTSA.05201		2	4.50	5.75	4.25	14.50	47.13.00003	01	02-09-2011	10-09-2011
480	Phan Lê Nhật	Tiên	09/11/93	Nữ	GTSA.05201		2	4.50	5.75	4.25	14.50	47.13.00003	04	15-09-2011	- -
481	Nguyễn Ngọc	Tiên	15/03/93		KSAA.15656		1	4.00	6.50	5.75	16.50	42.32.00794	01	13-09-2011	- -
482	Nguyễn Văn	Tiên	15/07/93		DDKA.14694		2NT	5.00	4.25	3.50	13.00	37.15.51560	07	29-08-2011	- -
483	Phạm Xuân	Tiên	07/10/89		KSAA.10680		1	4.00	5.25	5.50	15.00	98.01.00237	09	15-09-2011	- -
484	Phan Phước	Tiến	20/10/93		QSBA.07453		1	7.50	6.00	3.50	17.00	40.09.00873	06	31-08-2011	- -
485	Trần Minh	Tiến	27/06/93		HEHA.01074		2NT	7.25	4.25	5.25	17.00	29.12.00062	01	25-08-2011	- -
486	Bùi Đức	Tín	30/04/93		KTSA.02127		2NT	5.50	5.75	5.50	17.00	37.16.00562	01	27-08-2011	09-09-2011

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
487	Bùi Đức	Tín	30/04/93		KTSA.02127		2NT	5.50	5.75	5.50	17.00	37.16.00562	06	09-09-2011	- -
488	Đặng Chánh	Tín	19/10/93		KSA.A.11896		2NT	4.25	4.50	5.50	14.50	56.00.00343	05	26-08-2011	- -
489	Nguyễn Thị Thương	Tín	22/08/93	Nữ	NHSA.10785		2NT	5.25	4.25	4.75	14.50	34.42.02318	08	26-08-2011	- -
490	Võ Nhật	Tinh	04/07/92		KTSA.01456		2NT	4.50	5.00	4.00	13.50	35.05.02372	03	09-09-2011	- -
491	Hồ Sỹ	Tinh	05/06/92		SNHA.00321		2NT	5.00	6.25	4.50	16.00	30.12.00040	01	27-08-2011	- -
492	Dương Minh	Toàn	10/07/93		QSBA.13841		1	4.75	5.50	3.50	14.00	37.47.00147	06	25-08-2011	- -
493	Hoàng Minh	Toàn	05/05/93		GHA.A.21921		2NT	5.00	5.50	3.75	14.50	29.85.00513	03	30-08-2011	- -
494	Trần Đức Tiên	Toàn	20/09/93		GTSA.05277		2	4.75	4.50	4.00	13.50	32.16.00041	03	14-09-2011	- -
495	Lê Hà Bảo	Trần	31/10/93	Nữ	LPSA.02805		2	4.00	6.00	3.75	14.00	49.02.00005	08	15-09-2011	- -
496	Lê Quang Gia	Trần	22/11/92		QSBA.07788		1	6.00	3.50	3.50	13.00	47.19.00017	03	09-09-2011	- -
497	Bùi Thị Thùy	Trang	13/06/93	Nữ	KSA.A.20621		1	5.00	4.25	4.50	14.00	39.37.00052	08	12-09-2011	- -
498	Cao Thị Huyền	Trang	15/09/93	Nữ	NHSA.07824		2	5.00	6.50	5.25	17.00	99.99.00011	07	08-09-2011	- -
499	Đặng Thị Quỳnh	Trang	08/06/93	Nữ	GHA.A.21939		2	4.00	5.75	5.00	15.00	29.02.00542	07	14-09-2011	- -
500	Lê Anh Thủy	Trang	06/12/93	Nữ	DDQA.43494		2	4.50	5.75	4.50	15.00	32.16.24024	07	05-09-2011	- -
501	Ngô Thị Thủy	Trang	18/07/93	Nữ	DDQA.43671	06	1	3.00	5.50	4.50	13.00	38.13.53536	05	25-08-2011	- -
502	Trần Huyền	Trang	26/01/93	Nữ	GHA.A.12861		3	5.25	6.50	3.50	15.50	1A.26.00244	08	07-09-2011	- -
503	Trần Mộng Thùy	Trang	09/03/93	Nữ	KSA.A.16459		1	3.50	5.25	3.25	12.00	42.49.00904	07	31-08-2011	- -
504	Trần Thị	Trang	02/07/93	Nữ	HUIA.33411		2NT	6.25	4.50	3.75	14.50	29.94.00322	07	14-09-2011	- -
505	Trần Thị	Trang	02/03/93	Nữ	LPSA.03722		1	4.00	4.75	3.75	12.50	38.34.00321	08	29-08-2011	- -
506	Trần Thị Thu	Trang	11/02/92	Nữ	QSKA.03798		3	4.50	5.50	4.75	15.00	99.99.00449	07	05-09-2011	- -
507	Trần Thị Thùy	Trang	10/03/93	Nữ	DTTA.13796		2	4.00	5.50	5.50	15.00	52.01.00044	07	25-08-2011	- -
508	Đoàn Mạnh	Tráng	26/07/93		GHA.A.21967		2NT	5.25	5.75	3.50	14.50	29.68.00543	03	10-09-2011	- -
509	Nguyễn Minh	Trí	10/05/93		SPKA.15526		1	4.75	5.50	4.50	15.00	37.28.01195	05	29-08-2011	- -
510	Trịnh Minh	Trí	23/01/93		KTA.A.07228		2	6.00	5.50	4.50	16.00	01.01.00697	02	15-09-2011	- -
511	Ngô Trí	Triều	08/01/92		GTSA.05316		2NT	4.75	5.00	4.50	14.50	29.28.01156	01	26-08-2011	- -
512	Nguyễn Quốc	Triệu	25/08/93		SPKA.10766		1	4.00	3.75	4.00	12.00	47.04.00010	03	04-09-2011	- -
513	Nguyễn Việt	Trình	06/03/93	Nữ	NHSA.08280		2NT	6.50	4.25	5.00	16.00	99.99.00176	07	26-08-2011	- -
514	Nguyễn Phi	Trình	12/08/93		GTSA.14687		2NT	6.25	4.50	3.00	14.00	37.15.00195	03	05-09-2011	- -
515	Trần Văn	Trọng	31/07/92		NTSA.00908		1	3.75	3.75	3.75	11.50	98.14.00012	08	13-09-2011	- -
516	Hồ Lê Thanh	Trúc	04/02/93	Nữ	CSSA.04220		2	6.25	4.00	4.25	14.50	41.02.05240	05	30-08-2011	- -
517	Văn Thị Thu	Trúc	02/05/93	Nữ	KSA.A.21406		2NT	5.00	4.50	5.00	14.50	37.11.00341	09	12-09-2011	- -
518	Nguyễn	Trung	06/08/93		DMSA.20321		1	3.00	6.00	4.00	13.00	38.24.00765	07	15-09-2011	- -
519	Nguyễn Hoàng	Trung	17/11/92		GHA.A.13124		2NT	4.75	5.00	5.25	15.00	27.04.00155	09	30-08-2011	- -
520	Nguyễn Hữu	Trung	05/06/93		CSHA.03091		2NT	5.75	5.75	4.50	16.00	29.00.00001	01	15-09-2011	- -
521	Nguyễn Hữu	Trung	10/01/92		MBSA.11601		2NT	4.00	5.50	3.25	13.00	99.99.00315	08	05-09-2011	- -
522	Trần Đình	Trung	30/10/93		DDQA.44234		2NT	5.50	5.00	3.50	14.00	32.43.25008	04	25-08-2011	- -
523	Trần Văn	Trung	24/08/93		GHA.A.13184		2NT	3.50	5.50	4.75	14.00	25.16.00755	05	30-08-2011	09-09-2011
524	Trần Văn	Trung	24/08/93		GHA.A.13184		2NT	3.50	5.50	4.75	14.00	25.16.00755	03	09-09-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
525	Vũ Văn Trung	14/04/93		GHAA.13200		2NT	4.75	4.50	5.50	15.00	28.64.00184	01	26-08-2011	- -
526	Lê Nhật Trường	03/01/93		SPKA.15604		1	6.50	3.50	5.00	15.00	37.25.00799	06	01-09-2011	- -
527	Trần Minh Trường	26/11/93		GTSA.09474		1	4.50	5.00	5.25	15.00	40.50.00472	06	30-08-2011	09-09-2011
528	Trần Minh Trường	26/11/93		GTSA.09474		1	4.50	5.00	5.25	15.00	40.50.00472	02	12-09-2011	- -
529	Võ Tá Trường	23/02/93		GTSA.09484		2NT	4.00	5.00	4.75	14.00	52.36.00017	02	12-09-2011	- -
530	Trần Quang Trường	20/06/93		ANHA.01419		2NT	4.25	5.50	3.75	13.50	37.00.00449	08	06-09-2011	- -
531	Chu Anh Tú	13/12/93		GHAA.22144		2	3.50	6.50	4.50	14.50	29.07.00457	09	13-09-2011	- -
532	Nguyễn Anh Tú	25/09/93		KSAA.11875		1	3.75	5.25	4.75	14.00	40.24.00342	07	29-08-2011	- -
533	Nguyễn Minh Tú	12/04/86		GHAA.14285	06	3	2.75	5.50	4.50	13.00	99.99.00463	09	13-09-2011	- -
534	Nguyễn Ngọc Tú	02/09/90		NTHA.03535		2NT	6.25	5.25	6.25	18.00	99.qu.00145	01	07-09-2011	- -
535	Nguyễn Thanh Tú	07/09/93		GHAA.14294		3	4.75	5.25	5.50	15.50	1A.39.00368	04	15-09-2011	- -
536	Nguyễn Tuấn Tú	10/01/93		QSBA.09912		2	7.75	4.00	4.25	16.00	50.23.23004	01	25-08-2011	- -
537	Phạm Cẩm Tú	27/05/93	Nữ	GHAA.22162		2	4.50	5.50	5.50	15.50	29.02.00640	05	25-08-2011	06-09-2011
538	Phạm Cẩm Tú	27/05/93	Nữ	GHAA.22162		2	4.50	5.50	5.50	15.50	29.02.00640	05	15-09-2011	- -
539	Trần Lê Thanh Tú	20/05/93		KSAA.16009		2	4.00	4.00	6.50	14.50	02.S2.00840	08	12-09-2011	- -
540	Trần Văn Tú	14/02/92		KSAA.08185		2NT	3.00	6.00	4.50	13.50	99.99.00095	08	29-08-2011	- -
541	Vũ Ngọc Tú	04/01/93		GHAA.14330		2NT	5.25	3.50	4.50	13.50	25.67.00201	03	14-09-2011	- -
542	Phạm Đức Tư	13/07/93		ANSA.01508		1	4.50	5.25	4.50	14.50	63.00.01511	01	30-08-2011	- -
543	Trần Ngọc Tư	01/01/93		DQNA.14658		2NT	2.75	4.50	6.50	14.00	37.36.01072	04	31-08-2011	- -
544	Nguyễn Phan Mạnh Tuấn	20/05/93		KTSA.01583		1	3.25	6.75	5.25	15.50	48.29.00040	06	30-08-2011	- -
545	Bùi Thanh Tuấn	17/02/93		DDLA.12047		2	5.25	4.25	3.50	13.00	29.03.00048	04	10-09-2011	- -
546	Cao Huy Anh Tuấn	09/11/93		KSAA.04586		2NT	6.00	4.50	5.00	15.50	52.08.00022	08	25-08-2011	- -
547	Hoàng Minh Tuấn	10/05/93		KTAA.08475		2NT	3.75	5.75	4.75	14.50	30.16.00127	02	08-09-2011	- -
548	Ngô Anh Tuấn	01/01/93		KHAA.15547		3	4.75	5.50	4.50	15.00	1A.19.00707	07	25-08-2011	- -
549	Nguyễn Anh Tuấn	14/09/93		GHAA.13560		2	5.00	4.25	3.75	13.00	1B.03.00612	04	15-09-2011	- -
550	Nguyễn Đình Tuấn	13/05/93		GHAA.22085		2	6.00	4.50	5.00	15.50	29.14.00010	03	15-09-2011	- -
551	Nguyễn Doãn Tuấn	02/02/93		TMAA.37464		2NT	7.25	5.25	5.25	18.00	30.07.00083	05	25-08-2011	- -
552	Nguyễn Mạnh Tuấn	01/11/93		KSAA.13887		1	6.75	5.50	4.75	17.00	40.24.00554	01	06-09-2011	- -
553	Nguyễn Minh Tuấn	05/04/93		GTSA.09540		1	4.50	5.00	5.25	15.00	47.26.00003	06	29-08-2011	- -
554	Nguyễn Tri Tuấn	23/12/93		QSBA.08342		1	5.00	4.25	4.50	14.00	36.30.00004	06	25-08-2011	07-09-2011
555	Nguyễn Xuân Tuấn	10/10/93		GHAA.22109		2NT	4.50	6.25	2.50	13.50	29.62.00515	05	29-08-2011	- -
556	Phạm Đình Tuấn	08/03/93		GTSA.05475		2NT	4.25	4.25	5.25	14.00	28.79.00910	05	29-08-2011	- -
557	Phạm Minh Tuấn	15/03/93		KSAA.02967		2	3.50	6.50	6.50	16.50	47.13.00010	01	26-08-2011	- -
558	Phan Huy Anh Tuấn	10/12/92		GHAA.22111		2	3.50	5.50	5.00	14.00	29.01.00385	04	15-09-2011	- -
559	Thái Ngọc Tuấn	19/01/93		KSAA.06656		3	3.50	6.25	6.50	16.50	02.08.00053	04	01-09-2011	- -
560	Trần Đình Tuấn	26/09/91		GHAA.13717		2NT	4.25	5.00	5.00	14.50	24.02.01284	01	27-08-2011	- -
561	Vũ Anh Tuấn	03/11/93		GHAA.13757		2NT	7.00	3.50	4.00	14.50	28.94.00316	05	25-08-2011	- -
562	Bùi Thanh Tùng	19/11/93		NHHA.10553	06	2NT	5.00	6.25	5.25	16.50	26.18.00353	05	09-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
563	Đặng Hải	Tùng	17/01/93		DDKA.16722		2	3.25	4.25	7.00	14.50	31.02.16674	07	29-08-2011	- -
564	Nguyễn Thanh	Tùng	05/08/93		CSHA.03385		2NT	5.00	4.50	6.25	16.00	31.00.00023	01	10-09-2011	- -
565	Trần Thanh	Tùng	14/01/93		LPSA.03034		1	2.75	5.50	3.50	12.00	40.10.00282	04	13-09-2011	- -
566	Lê Mạnh	Tường	03/03/93		GHAA.14353		2	5.75	5.50	3.00	14.50	28.01.00069	02	29-08-2011	- -
567	Trần Quang	Tường	10/08/91		GTSA.12768		2NT	3.00	4.50	4.75	12.50	99.99.00840	09	12-09-2011	- -
568	Hoàng Văn	Tuyên	01/03/93		CSSA.04443		1	4.25	3.75	3.75	12.00	40.02.04592	09	12-09-2011	- -
569	Ngô Nguyễn Văn	Tuyên	14/09/93		KSAA.15590		1	3.50	6.25	5.50	15.50	40.22.00783	05	27-08-2011	- -
570	Lê Quang	Tuyên	28/03/93		KTSA.01625		2NT	6.50	5.50	4.00	16.00	48.25.00035	06	29-08-2011	10-09-2011
571	Nguyễn Thị Thu	Tuyên	11/01/93	Nữ	HHKA.02361		2NT	4.75	4.25	4.00	13.00	37.16.01066	05	25-08-2011	05-09-2011
572	Lê Thị ánh	Tuyệt	12/08/93	Nữ	QHEA.09365		2	6.75	3.50	6.25	16.50	28.34.11034	09	30-08-2011	- -
573	Trần Thị	Vân	16/06/93	Nữ	KSAA.09900		1	6.50	4.75	4.25	15.50	29.32.00177	05	29-08-2011	- -
574	Bùi Cảnh	Việt	27/09/93		DMSA.17058		2	5.75	5.00	4.00	15.00	52.39.00010	02	15-09-2011	- -
575	Đặng Quốc	Việt	29/11/86		SPSA.17369		2	6.50	3.50	4.50	14.50	35.06.02688	02	07-09-2011	- -
576	Lê Quốc	Việt	19/08/93		KSAA.07980		2	5.75	5.25	5.50	16.50	25.04.00088	05	06-09-2011	- -
577	Nguyễn Hoàng	Việt	17/01/92		QSKA.04374		2NT	3.75	3.50	5.00	12.50	99.99.00016	08	12-09-2011	- -
578	Đặng Toàn	Vinh	15/07/93		KSAA.21258		2	6.50	6.00	4.25	17.00	39.01.00277	06	26-08-2011	- -
579	Nguyễn Thành	Vinh	10/06/92		KSAA.09540		2NT	5.75	5.75	4.50	16.00	29.28.00151	06	27-08-2011	09-09-2011
580	Phùng Văn	Vinh	24/07/93		HEHA.01306		2NT	4.25	6.00	6.25	16.50	22.09.00057	05	15-09-2011	- -
581	Trần Đình Minh	Vinh	30/03/93		QSBA.13979		2NT	4.75	5.50	5.50	16.00	37.33.01851	06	25-08-2011	07-09-2011
582	Trần Đình Minh	Vinh	30/03/93		QSBA.13979		2NT	4.75	5.50	5.50	16.00	37.33.01851	01	14-09-2011	- -
583	Đặng Ngọc Hoàng	Vũ	15/12/93		KTSA.02183		2NT	6.25	6.00	4.75	17.00	37.26.00131	06	30-08-2011	- -
584	Hồ Huy	Vũ	02/09/93		QSBA.08900		2	3.25	5.50	5.50	14.50	45.17.00102	04	25-08-2011	- -
585	Lê Đào Anh	Vũ	24/11/93		KTSA.01713		2	5.75	5.50	5.50	17.00	02.59.00002	01	15-09-2011	- -
586	Lê Huỳnh Thanh	Vũ	06/08/92		QSBA.08911		2	3.75	5.50	4.00	13.50	99.99.00228	04	05-09-2011	10-09-2011
587	Lê Huỳnh Thanh	Vũ	06/08/92		QSBA.08911		2	3.75	5.50	4.00	13.50	99.99.00228	03	10-09-2011	- -
588	Lê Việt	Vũ	02/06/93		DMSA.17174	06	3	4.25	6.00	4.00	14.50	02.S2.00038	09	12-09-2011	- -
589	Nguyễn Đăng	Vũ	11/02/92		NHSA.09234		1	5.00	4.75	5.00	15.00	99.99.00398	06	01-09-2011	- -
590	Nguyễn Hoàng	Vũ	21/04/93		QSBA.08932		2	4.75	5.00	5.00	15.00	47.13.00039	02	30-08-2011	- -
591	Nguyễn Ngọc Linh	Vũ	15/09/93		SPKA.15840		2NT	4.25	5.50	5.25	15.00	37.34.00874	06	29-08-2011	- -
592	Trần Anh	Vũ	18/12/93		NTSA.01013		1	8.25	6.50	5.75	20.50	40.24.00812	01	25-08-2011	- -
593	Trần Tuấn	Vũ	16/10/93		QSBA.08978		2NT	5.25	4.50	6.25	16.00	41.43.00280	06	25-08-2011	- -
594	Dương Hải	Vương	28/05/93		KTSA.02187		1	5.25	6.50	5.00	17.00	36.30.00002	06	01-09-2011	- -
595	Huỳnh Thị Bích	Vương	11/03/92	Nữ	KSAA.06630		2NT	5.50	5.00	4.75	15.50	37.00.00053	05	08-09-2011	- -
596	Trần Lê	Vương	22/04/93		QSBA.09017		2NT	5.50	5.00	4.50	15.00	35.17.08550	04	04-09-2011	- -
597	Trần Đức	Vương	08/09/93		QSBA.09029		2	5.75	4.75	5.00	15.50	52.03.00020	05	26-08-2011	- -
598	Nguyễn Thị Thảo	Vy	05/07/93	Nữ	DTTA.16198		1	4.25	5.00	3.50	13.00	43.16.00254	08	30-08-2011	- -
599	Hà Duy	Vỹ	02/09/93		CSHA.03518		1	4.00	5.00	5.00	14.00	31.00.00073	01	30-08-2011	- -
600	Đặng Vũ Thanh	Xuân	20/05/93	Nữ	DMSA.18613		2	2.75	6.50	5.25	14.50	59.02.08044	08	15-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
601	Ngô Thị	Xuân	01/10/93	Nữ	DCNA.56145	06	2NT	5.50	4.00	5.00	14.50	25.67.00593	05	25-08-2011	- -
602	Võ Thế	Xuân	01/01/92		KSAA.22408	06	2NT	4.50	6.00	3.00	13.50	34.33.01417	05	27-08-2011	- -
603	Lê Thị Hải	Yên	13/12/93	Nữ	KSAA.17698		1	5.00	6.50	4.50	16.00	40.11.01094	07	05-09-2011	- -
604	Lê Thị Hải	Yên	04/09/92	Nữ	QSBA.09115		2	2.75	6.25	5.25	14.50	98.98.00382	07	14-09-2011	- -
Tổng số hồ sơ đăng ký xét tuyển 604															
Tổng số thí sinh đã rút hồ sơ 48															
Tổng số hồ sơ còn lại 556															